

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/DSPT

Ngày 07 - 5 - 2020

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ do người chết
để lại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương, ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLPT-DS ngày 09/01/2020, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961, địa chỉ: Thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà H T Niê, sinh năm 1984, nơi đăng ký HKTT: Thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Chỗ ở hiện nay: Đường X, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2.2. Bà H Q Niê, địa chỉ: Thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H T Niê và bà H Q Niê: Ông Lê Thành N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Đường A, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2.3. Bà H C Niê, địa chỉ: Thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.4. Ông YG Niê, địa chỉ: Thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị Thanh Đ, sinh năm 1963, địa chỉ: Thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Y B Byă, sinh năm 1924 và bà H N Niê, sinh năm 1936, địa chỉ: Thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Các bị đơn bà HT Niê, bà HQ Niê, bà HC Niê, ông Y G Niê.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên đã nhiều lần ông Nguyễn Văn L cho bà HK Niê vay tiền, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 23/3/2015, bà HK Niê; bà H T Niê; bà H Q Niê; ông Y G Niê vay của ông L số tiền là 40.000.000 đồng;

- Ngày 30/3/2015, bà H K Niê, bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê vay tiếp của ông L số tiền 160.000.000 đồng.

- Ngày 04/4/2015, bà H K Niê, bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê vay thêm của ông L số tiền 256.000.000 đồng, đồng thời gộp cả số tiền vay 200.000.000 đồng trước đó vào “Giấy cam kết trả nợ và thỏa thuận trả nợ ngày 04/4/2015” thành vay của ông Nguyễn Văn L là 456.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng và thời hạn trả nợ ngày 30/3/2019. Những lần vay tiền trên đều có giấy vay tiền do bên vay ký xác nhận nợ.

Ngày 16/3/2017, bà H K Niê chết nhưng vẫn chưa trả nợ cho ông Nguyễn Văn L. Đến hạn trả nợ bà H T, bà H Q, bà H C và ông Y G Niê không trả số tiền đã vay cho ông L nên ông L Khởi kiện bà H T, bà H Q, bà H C, ông Y G, ông Y B Byă và bà H N Niê là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H K phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ 456.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận cũng như theo quy định của pháp luật do bà H K để lại. Nếu trong trường hợp di sản của bà H K Niê để lại không đủ để thanh toán số tiền trên thì bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn lại chưa thanh toán cho ông L vì những người này trực tiếp ký vào giấy vay tiền cũng như Biên bản cam kết trả nợ và thỏa thuận trả nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu ông Y B Byă và bà H N Niê (bố mẹ ruột của bà H K) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông L.

** Quá trình giải quyết vụ án các bị đơn không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.*

** Tại cấp phúc thẩm, ông Lê Thành N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H T Niê và bà H Q Niê trình bày:*

Năm 2017, ông Nguyễn Văn L đã gom hết tất cả các khoản nợ liên quan đến bà H K Niê để khởi kiện theo “Giấy nhận nợ ngày 31/10/2016 (số tiền 1.265.000.000 đồng)” và các khoản vay sau ngày 31/10/2016 là “Giấy mượn tiền ngày 29/12/2016 (số tiền 37.000.000 đồng)”, “Giấy vay tiền ngày 02/01/2017 (số tiền 47.800.000 đồng)”. Tổng cộng số tiền ông L đã kiện là 1.349.800.000 đồng và đã được Tòa án hai cấp tỉnh Đắk Lắk chấp nhận theo Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar và Bản án dân sự phúc thẩm số 84/2019/DSPT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Nhưng sau đó, ông L lại tiếp tục gian dối khi sử dụng các giấy tờ vay tiền trước ngày 31/10/2016 để khởi kiện trong vụ án này.

Trong vụ án trước đây ông L đã khởi kiện buộc các bị đơn phải thanh toán số tiền 1.349.800.000 đồng, trong đó có chứng cứ là “Giấy nhận nợ ngày 31/10/2016” do chính ông L cung cấp thể hiện rõ nội dung chốt nợ giữa bà H K Niê với ông Nguyễn Văn L tính đến ngày 31/10/2016 bà H K Niê chỉ còn nợ ông L số tiền là 1.265.000.000 đồng. Bởi “Giấy nhận nợ ngày 31/10/2016” ghi rất rõ ràng nội dung sau: “Ngày 31/10/2016, tôi có vay thêm ông L số tiền 95.000.000đ; tổng nợ đến ngày 31/10/2016 là 1.265.000.000đ, tổng số nợ được thể hiện trong Giấy vay tiền lập cùng ngày nêu trên. Như vậy, đến ngày 31/10/2016, tôi xác nhận có nợ ông L số tiền 1.265.000.000đ.”

Do đó, việc ông L sử dụng các giấy tờ vay tiền trước ngày 31/10/2016 (gồm giấy vay tiền ngày 23/3/2015; giấy vay tiền ngày 30/3/2015; giấy vay tiền ngày 04/4/2015) để khởi kiện yêu cầu các bị đơn (trong đó có bà H Q Niê, H T Niê) phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết là bà H K Niê để lại (trả nợ gốc 456.000.000đ cùng tiền lãi cho ông L, bà Đ) trong vụ án này là hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận. Dẫn đến việc yêu cầu bà H Q Niê, H T Niê phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ số tiền còn lại chưa thanh toán cho ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị Thanh Đ nếu di sản của bà H K Niê để lại không đủ để thực hiện nghĩa vụ cũng không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông YB Byă trình bày:

Ông Y B Byă và bà H N Niê là bố mẹ đẻ của bà H K Niê. Do gia đình ông YB Byă và gia đình bà H R Niê là quan hệ họ hàng, khi bà H K Niê còn

sống thì sinh sống cùng với ông Y D Mlô và bà H R Niê để tiện chăm sóc hai người này nên bà H K cùng hộ khẩu với gia đình bà H R Niê, hiện nay ông Y D Mlô và bà H R Niê đã chết, thực tế bà H K Niê là con đẻ của ông Y B Byã và bà H N Niê. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L buộc vợ chồng ông là hàng thừa kế thứ nhất của bà H K Niê phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bản thân ông Y B Byã không đồng ý vì thực tế ông bà không vay tiền của ông Nguyễn Văn L, không biết ông L là ai. Vì vậy, ông Y B Byã không đồng ý trả nợ và không trình bày gì thêm.

4. Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Thanh Đ trình bày:

Bà Đ thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn L, bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết buộc H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại phải trả cho ông L số tiền 456.000.000 đồng tiền gốc và cùng tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận cũng như theo quy định của pháp luật. Nếu trong trường hợp di sản của bà H K Niê để lại không đủ để thanh toán số tiền trên thì bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn lại chưa thanh toán.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2019/DSST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 361, Điều 365; Điều 366; Điều 476; Điều 367 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 335; Điều 338; Điều 339; Điều 466; Điều 468; Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Buộc bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết (bà H K Niê) để lại là: Trả cho ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị Thanh Đ số tiền gốc là 456.000.000 đồng và tiền lãi suất là 332.096.031 đồng, tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 788.096.031 đồng (Bảy trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn không trăm ba mươi một đồng). Trường hợp di sản của bà H K Niê để lại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả thì bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê có nghĩa vụ tiếp tục liên đới trả nợ số tiền còn lại chưa thanh toán cho ông L, bà Đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì

quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2019, các bị đơn bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê, ông Y G Niê kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê, ông Y G Niê – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê, ông Y G Niê đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và Kết luận giám định số 110/PC09 ngày 18/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, xác định được như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2015 đến ngày 04/4/2015 bà H K Niê, bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê đã nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Văn L, cụ thể:

Tại “Giấy vay tiền ngày 23/3/2015”, bà H K Niê, bà H T Niê, bà H Q Niê và ông Y G Niê vay ông Nguyễn Văn L số tiền 40.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận: Thời hạn trả nợ là ngày 03/9/2015; mục đích vay để mua bò; lãi suất thỏa thuận.

Tại “Giấy vay tiền ngày 30/3/2015”, bà H K Niê, bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê vay ông Nguyễn Văn L số tiền 160.000.000 đồng.

Các bên thỏa thuận: Thời hạn trả nợ là ngày 30/3/2016; mục đích vay để mua bò; lãi suất thỏa thuận.

Tại “Giấy cam kết vay và thỏa thuận trả nợ ngày 04/4/2015”, thể hiện: Ngoài khoản vay 200.000.000 đồng nêu trên thì ngày 04/4/2015, bà H K Niê, bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông YG Niê tiếp tục vay ông Nguyễn Văn L số tiền 256.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng; thời hạn trả nợ đối với tổng khoản nợ 456.000.000 đồng là ngày 30/3/2019. Bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê bảo lãnh cho bà H K Niê đứng ra vay tiền của ông L kể từ thời điểm ngày 04/4/2015 về sau, nếu bà H K Niê không trả được nợ cho ông Nguyễn Văn L thì bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê sẽ đứng ra trả nợ gốc và lãi suất thay bà H K Niê.

Như vậy, tổng số tiền bà H K, bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê đã vay ông L là 456.000.000 đồng.

Ngày 16/3/2017, bà H K chết không để lại di chúc và chưa trả hết nợ cho ông L. Do đó, việc ông L khởi kiện bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (bà H K) để lại và buộc các bị đơn phải trả cho ông L số nợ gốc 456.000.000 đồng và lãi suất phát sinh của khoản vay là có căn cứ.

Các bị đơn bà H T, bà H Q, bà H C và ông Y G, không trả nợ cho ông L, bà Đ và không thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với ông L, bà Đ là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 280; khoản 1 Điều 281; Điều 290; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh theo “Giấy vay tiền và thỏa thuận trả nợ ngày 04/04/2015” và vi phạm quy định tại Điều 361, 365, 366 Bộ luật dân sự 2005; Điều 335, 338, 339 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông L, buộc bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H K) phải trả tiền và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (bà H K) để lại theo quy định tại Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; trường hợp tài sản di sản thừa kế của bà H K để lại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông L thì buộc bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải liên đới trả số tiền còn lại cho ông L, bà Đ bằng tài sản riêng của họ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L yêu cầu buộc ông Y B Byã và bà H N Niê (cha mẹ ruột của bà HK) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ do bà H K để lại. Tuy nhiên, sau đó ông L đã rút yêu cầu khởi kiện này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc Y B Byã và bà H N Niê phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông L là phù hợp.

[1.2] Xét quan điểm của các bị đơn bà H T Niê và bà H Q Niê cho rằng: Các khoản nợ 40.000.000 đồng (Theo giấy vay tiền ngày 23/3/2015); khoản nợ 160.000.000 đồng (Theo giấy vay tiền ngày 30/3/2015) và khoản nợ 256.000.000 đồng (Theo giấy cam kết vay tiền và thỏa thuận trả nợ ngày 04/4/2015) mà ông L đang khởi kiện trong vụ án này đã được bà H K và ông L thỏa thuận gộp chung vào khoản nợ 1.265.000.000 đồng theo “Giấy nhận nợ ngày 31/10/2016”. Năm 2017, ông L đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu các bị đơn trả 1.349.800.000 đồng (Gồm khoản nợ 1.265.000.000 đồng theo “Giấy nhận nợ ngày 31/10/2016”; khoản nợ 37.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền ngày 29/12/2016”; khoản nợ 47.800.000 đồng theo “Giấy vay tiền ngày 02/01/2017”). Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Và Bản án dân sự phúc thẩm số 84/2019/DSPT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Như vậy, số tiền 456.000.000 đồng mà ông L khởi kiện các bị đơn trong vụ án này đã được giải quyết bằng một án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào “Giấy nhận nợ ngày 31/10/2016” thể hiện nội dung:

“... Ngày 05/10/2016, tôi (H K) xác nhận nợ ông L số tiền 1.170.000.000 đồng, số nợ được thể hiện trong giấy vay tiền lập cùng ngày nêu trên.

Ngày 31/10/2016, tôi có vay thêm ông L 95.000.000 đồng; tổng nợ đến ngày 31/10/2016 là 1.265.000.000 đồng; tổng số nợ được thể hiện trong Giấy vay tiền lập cùng ngày nêu trên. Như vậy, đến ngày 31/10/2016, tôi xác nhận có nợ ông L số tiền 1.265.000.000 đồng ...”

Theo nội dung trên cho thấy mặc dù bà H K xác nhận đến ngày 31/10/2016 có nợ ông L số tiền 1.265.000.000 đồng (Trong đó chỉ có khoản nợ 1.170.000.000 đồng vay ngày 05/10/2016; 95.000.000 đồng vay ngày 31/10/2016) nhưng không phải tính đến ngày 31/10/2016 bà H K chỉ còn nợ ông L 1.265.000.000 đồng; Và cũng không có nội dung nào thể hiện bà H K và ông L thỏa thuận gộp chung các khoản nợ 40.000.000 đồng (Theo giấy vay tiền ngày 23/3/2015); 160.000.000 đồng (Theo giấy vay tiền ngày 30/3/2015) và 256.000.000 đồng (Theo giấy cam kết vay tiền và thỏa thuận trả nợ ngày 04/4/2015) vào Giấy nhận nợ trên. Mặt khác, các bị đơn bà H T, bà H Q cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho lập luận của mình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[1.3] Về lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải trả 332.096.031 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên xét thấy kháng cáo của các bị đơn bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê, ông Y G Niê về việc đề nghị sửa Bản án sơ

thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê – Giữa nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L:

Buộc bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết (bà H K Niê) để lại là: Trả cho ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị Thanh Đ tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 788.096.031 đồng (Bảy trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn không trăm ba mươi một đồng), trong đó số tiền gốc là 456.000.000 đồng và tiền lãi suất là 332.096.031 đồng. Trường hợp di sản của bà H K Niê để lại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê có nghĩa vụ tiếp tục liên đới trả nợ số tiền còn lại chưa thanh toán cho ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị Thanh Đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải liên đới chịu 35.523.840 đồng tiền án phí DSST có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền 11.720.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2017/0013107 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền mà bà H T Niê, bà H Q Niê, bà H C Niê và ông Y G Niê đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo các biên lai thu số

AA/2019/0005961 ngày 24/12/2019; biên lai số AA/2019/0005968 ngày 24/12/2019 (bà H Q Niê nộp thay bà H T Niê); biên lai số AA/2019/0005962 ngày 24/12/2019 (bà H Q Niê nộp thay bà H C Niê); biên lai số AA/2019/0005967 ngày 24/12/2019 (bà H Q Niê nộp thay ông Y G Niê).

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức